



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM THÉP

THE REPORT OF STEEL TEST

Số/No: 578 - 2021 /SVIBM/PCL

Trang/ Page : 1/1

Công trình / Project	Ho Chi Minh City Urban Railway Construction Project Ben Thanh - Suoi Tien Section (Line 1), Contract Package 3: E&M, ROLLING STOCK, TRACKWORK, MAINTENANCE	
Địa điểm/ Location	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH CITY	
Chủ đầu tư/ The Employer	MANAGEMENT AUTHORITY FOR URBAN RAILWAYS	
Đd chủ đầu tư/ Employer's Representative	NJPT ASSOCIATION FOR GENERAL CONSULTANTS' SERVICES	
Nhà thầu chính/ Contractor	HITACHI, Ltd.	
Nhà thầu phụ/ Sub.Contractor	GENERAL RESOURCES	
Đơn vị cung cấp/ Supplier	THU DUC CENTRIFUGAL CONCRETE JSC No.1	
Nhà sản xuất/ Manufacturer	NEW SUN VIET NAM TECHONOLOGY CO., LTD	
Hạng mục / Article	PHỤ KIỆN MƯƠNG CÁP BÊ TÔNG/ ACCESSORY FOR CONCRETE CABLE TROUGH	
Loại thép/ Steel type	THÉP CUỘN CÁN NGUỘI 2mm/ COLD ROLLED COIL STEEL 2mm - STEEL GRADE: SPCC	
Nguồn gốc thép/ Source of steel	POSCO VIETNAM	
Ngày nhận mẫu/ Date receiving	26/02/2021	Ngày thí nghiệm/ Date testing : 26/02/2021
Yêu cầu kỹ thuật / Specification	JIS G3141:2011	
Tiêu chuẩn kéo / Tensile test method	JIS Z 2241: 2011	Tiêu chuẩn uốn / Bend test method: JIS Z 2248:2006
Thiết bị thử/ Test Equipment	Máy thử kéo nén DTU-900-MHN S/N: C15-034A, Calib. No: ACK.20.047	

I. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM KÉO THÉP/ TEST RESULT OF STEEL TENSILE

Stt No	Ký hiệu mẫu Notation of Sample	Thông tin về mẫu thử Infomation of sample			Giới hạn chảy Yield Strength		Giới hạn bền Tensile Strength		Độ giãn dài tương đối Elongation
		Chiều dày Thickness (mm)	Chiều rộng Width (mm)	Tiết diện Cross-Sec.Area (mm ²)	Lực Load (kN)	Ứng suất Stress (MPa)	Lực Load (kN)	Ứng suất Stress (MPa)	
1	PL2-1	1.98	24.95	49.40	11.73	237.44	16.55	335.01	41.4
2	PL2-2	2.01	24.96	50.17	11.25	224.24	16.51	329.08	42.7
3	PL2-3	2.00	24.95	49.90	10.93	219.04	16.46	329.86	42.3
Yêu cầu/ Spec. JIS G3141 - SPCC					N/A	-	N/A	Min. 270	Min 39

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM UỐN THÉP/ TEST RESULT OF STEEL BEND

Stt No	K.h mẫu Notation of Sample	Chiều dày Thickness	Đường kính gồi uốn Diameter of former	Góc uốn Bending angle (°)	Trạng thái bề mặt sau khi uốn Bendability
1	M1	2.0	3 times the thickness	180°	Không nứt/ No crack

Tp.HCM, ngày 27 tháng 2 năm 2021

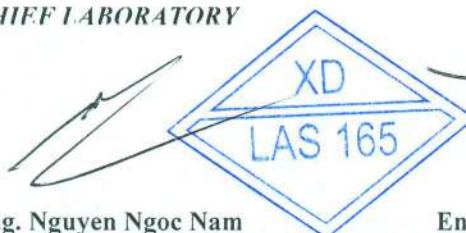
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHIEF LABORATORY

THÍ NGHIỆM
TESTED BY



Eng. Phạm Toàn Thang



Eng. Nguyen Ngoc Nam

Eng. Pham Tuan Anh

* Ghi chú / Notice : - N/A - Không có giá trị/ Not Available

- Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu khách hàng/ Name of sample and client are reported as client's request
- Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced , except in full



BỘ XÂY DỰNG - MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

PHÂN VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MIỀN NAM
SOUTH VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

Địa chỉ: Lô I-3b-5, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
Address: Lot I-3b-5, N6 Road, Saigon Hi-Tech Park, Tan Phu Ward, District 9, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): 028 3730 5015, Fax: 028 3730 5016

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM THÀNH PHẦN HÓA THÉP

CHEMICAL TEST REPORT OF STEEL

Số/No: 580 - 2021/SVIBM/PCL

Trang/ Page: 1/1

Công trình / Project	Ho Chi Minh City Urban Railway Construction Project Ben Thanh - Suoi Tien Section (Line 1), Contract Package 3: E&M, ROLLING STOCK, TRACKWORK, MAINTENANCE
Địa điểm/ Location	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH CITY
Chủ đầu tư/ The Employer	MANAGEMENT AUTHORITY FOR URBAN RAILWAYS
Đại diện chủ đầu tư/ Employer's Representative	NJPT ASSOCIATION
Nhà thầu chính/ Contractor	HITACHI, Ltd.
Nhà thầu phụ/ Sub.Contractor	GENERAL RESOURCES
Đơn vị cung cấp/ Supplier	THU DUC CENTRIFUGAL CONCRETE JSC No.1
Nhà sản xuất/ Manufacturer	NEW SUN VIET NAM TECHNOLOGY CO., LTD
Hạng mục / Article	PHỤ KIỆN MƯƠNG CÁP BÊ TÔNG/ ACCESSORY FOR CONCRETE CABLE TROUGH
Loại thép/ Steel type	THÉP CUỘN CÁN NGUỘI 2mm/ COLD ROLLED COIL STEEL 2mm - STEEL GRADE: SPCC
Nguồn gốc thép/ Source of steel	POSCO VIETNAM
Yêu cầu kỹ thuật / Specification	JIS G3141
Ngày nhận mẫu/ Received date	26-Feb-2021
Ngày thí nghiệm/ Tested date	26-Feb-2021
Thiết bị thử/ Test equipment	SPECTROMAXx

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	YCKT	Phương pháp thử
No.	Characteristics	Unit	Results	Spec.	Test method
1	Hàm lượng cacbon / Carbon content (C)	%	0.05	Max 0.12	JIS G1253:2002
2	Hàm lượng silic / Silicon content (Si)	%	0.002	-	
3	Hàm lượng mangan / Manganese content (Mn)	%	0.19	Max 0.50	
4	Hàm lượng photpho / Phosphorus content (P)	%	0.008	Max 0.040	
5	Hàm lượng lưu huỳnh / Sulfur content (S)	%	0.004	Max 0.045	

Tp. HCM, ngày 26 tháng 2 năm 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Eng. Phạm Toàn Thang

KIỂM TRA
CHECKED BY



Eng. Nguyen Ngoc Nam

THÍ NGHIỆM
TESTED BY

Eng. Pham Tuan Anh

* Ghi chú / Notice :

- Tên mẫu và tên cơ quan gửi mẫu được báo cáo theo yêu cầu khách hàng/ Name of sample and client are reported as client's request
- Không được sao chép từng phần, được sao chép toàn bộ phiếu kết quả này/ This test report not be reproduced, except in full